

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
Báo cáo kiểm toán	6
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	7 – 43
Bảng cân đối kế toán	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12 – 13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	14 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 12.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là **1.924.844.130.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn;
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

NHỮNG ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG KỲ CỦA CÔNG TY

a. Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng do thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở:

- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Hợp đồng sáp nhập số 01-2011/ALP-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Alphanam và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
- Giấy chứng nhận số 17/GCN – UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Alphanam chào bán cổ phần ra công chúng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

b. Trong năm Công ty đã thanh lý 02 công ty con đang đầu tư trực tiếp: cụ thể:

- Theo hợp đồng số 02/HĐCP/CP-FJ ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn (3.899.000 cổ phần) cho Công ty Liên doanh Fuji - Alpha với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Theo các hợp đồng số 01/2012, 02/2012, 03/2012 ngày 19 tháng 01 năm 2012 và số 04/HĐCP/CP-DO ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex – Alphanam cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam và các cá nhân với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch	
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên	
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Trần Đại	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Kim Yến	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con và các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số V.10 và V.11. Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng cần đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2013

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hưng Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2013

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch

Nguyễn Tuấn Hải

Số: 104/2013/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam được lập ngày 20 tháng 3 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính riêng; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2013

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

Kiểm toán viên



Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227.745.299.965	251.006.864.771
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.857.315.113	30.488.099.713
1.	Tiền	111		1.857.315.113	9.488.099.713
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	21.000.000.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	12.495.408.134	3.684.250.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		12.495.408.134	4.867.094.286
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(1.182.844.286)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.904.178.316	178.934.480.310
1.	Phải thu khách hàng	131		133.865.392.797	66.489.821.872
2.	Trả trước cho người bán	132		15.909.864.753	9.540.765.397
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	20.454.737.872	112.155.368.515
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(7.325.817.106)	(9.251.475.474)
IV.	Hàng tồn kho	140		49.755.173.666	37.189.904.035
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	49.755.173.666	45.087.663.673
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(7.897.759.638)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		733.224.736	710.130.713
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.125.000	221.632.358
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		546.128.768	1.115.858
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	301.023.537
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158		175.970.968	186.358.960

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.132.833.417.167	846.423.654.106
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		6.824.239.627	10.772.759.024
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	4.448.871.172	7.063.837.802
	- Nguyên giá	222		11.487.253.889	13.231.497.023
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(7.038.382.717)	(6.167.659.221)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	2.214.356.855	3.540.493.734
	- Nguyên giá	225		3.291.281.594	4.280.734.238
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.076.924.739)	(740.240.504)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	-	7.415.888
	- Nguyên giá	228		44.270.176	44.270.176
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(44.270.176)	(36.854.288)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	161.011.600	161.011.600
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.125.101.411.046	834.912.038.724
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.10	2.018.316.994.428	290.630.800.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	122.250.000.000	584.673.146.888
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	48.204.049.072	10.317.300.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.13	(63.669.632.454)	(50.709.208.164)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		907.766.494	738.856.358
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	748.766.494	513.856.358
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.15	159.000.000	225.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.360.578.717.132	1.097.430.518.877

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		219.888.261.567	234.473.568.976
I.	Nợ ngắn hạn	310		186.864.335.726	196.233.720.585
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	92.666.641.350	119.060.380.867
2.	Phải trả người bán	312		83.550.908.918	23.232.801.855
3.	Người mua trả tiền trước	313		2.333.748.424	6.831.960.687
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	1.122.092.877	8.275.025.333
5.	Phải trả người lao động	315		142.268.266	114.881.536
6.	Chi phí phải trả	316	V.18	853.829	2.036.962.690
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	6.332.303.602	35.966.189.157
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		715.518.460	715.518.460
II.	Nợ dài hạn	330		33.023.925.841	38.239.848.391
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		643.488.003	2.509.559.500
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2.734.575.157	4.182.383.778
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	29.645.862.681	31.403.864.113
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	144.041.000
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.140.690.455.565	862.956.949.901
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.22	2.140.690.455.565	862.956.949.901
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	645.844.130.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	3.448.247.352
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.721.683.671	3.721.683.671
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		137.968.821.894	135.787.068.878
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.360.578.717.132	1.097.430.518.877

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		588,07	1.246,08
	ERU		-	218,04
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Kim Yến



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	241.799.753.842	369.803.251.793
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	10.828.133.320	42.588.883.752
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.03	230.971.620.522	327.214.368.041
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.04	221.398.387.248	312.648.099.196
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.573.233.274	14.566.268.845
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	14.363.778.331	30.904.040.431
7.	Chi phí tài chính	22	VI.06	30.099.180.579	140.645.604.781
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.252.153.379	22.757.007.441
8.	Chi phí bán hàng	24		2.085.675.743	27.351.631.209
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.548.619.474	23.721.213.477
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15.796.464.191)	(146.248.140.191)
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	19.305.146.514	261.117.387.443
12.	Chi phí khác	32	VI.08	2.589.182.372	1.872.037.752
13.	Lợi nhuận khác	40		16.715.964.142	259.245.349.691
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		919.499.951	112.997.209.500
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	1.835.813.465	2.683.360.472
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(1.758.001.432)	31.403.864.113
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		841.687.918	78.909.984.915
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		Không áp dụng	Không áp dụng

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Kim Yến



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		919.499.951	112.997.209.500
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		2.172.617.295	7.584.492.511
-	Các khoản dự phòng	03		1.954.161.998	61.633.779.632
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	95.616.000
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.010.886.940)	(174.327.778.444)
-	Chi phí lãi vay	06		17.252.153.379	22.757.007.441
3.	Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		9.287.545.683	30.740.326.640
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.920.036.166	(38.978.820.460)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.193.812.017)	28.901.712.113
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		14.892.576.412	36.947.483.992
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		196.915.863	3.319.116.517
-	Tiền lãi vay đã trả	13		(18.002.459.209)	(22.954.410.678)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.850.418.073)	(820.958.447)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.660.128.812	779.518.700
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.261.183.370)	(2.399.081.211)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.649.330.267	35.534.887.166
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(13.545.425)	(1.717.445.787)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.428.765.538	602.301.553
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.130.000.000)	(62.669.106.597)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40.240.000.000	253.827.004.846
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(834.621.975.244)	(575.821.454.508)
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		800.726.074.412	373.390.239.814
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.309.907.538	9.771.885.816
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.060.773.181)	(2.616.574.863)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		509.576.084.223	266.384.167.452
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(535.516.590.430)	(281.963.686.425)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.278.835.479)	(767.209.540)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.219.341.686)	(16.346.728.513)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.630.784.600)	16.571.583.790
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.488.099.713	13.916.640.457
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(124.534)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.857.315.113	30.488.099.713

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh sơn các loại;
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong năm tài chính chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao; công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng, khu vui chơi, giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật và tư vấn tài chính); quản lý dự án; tư vấn về quản lý kinh doanh, quản trị doanh nghiệp;
- Quảng cáo;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách và đường bộ khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Tổ chức các hoạt động của khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật, chi tiết: Lập dự án đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Sản xuất thiết bị điện và vật liệu điện;
- Sản xuất tủ bảng điện;
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng;
- Nhận ủy thác đầu tư;
- Sản xuất thiết bị và máy cơ khí, thủy lực;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên dùng;
- Xây lắp các công trình điện đến 35KV;
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Sản xuất các sản phẩm nhựa composite;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sơn và vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Những ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty

- a. Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng do thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam và đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, việc sáp nhập được thực hiện trên cơ sở:
 - Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 24 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
 - Nghị quyết số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐBT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc thông qua phương án hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
 - Hợp đồng sáp nhập số 01-2011/ALP-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2011 giữa Công ty Cổ phần Alphanam và Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam về việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.
 - Giấy chứng nhận số 17/GCN – UBCK ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp nhận cho Công ty Cổ phần Alphanam chào bán cổ phần ra công chúng.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 6 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 645.844.130.000 đồng lên 1.924.844.130.000 đồng.
- b. Trong năm Công ty đã thanh lý 02 công ty con đang đầu tư trực tiếp, cụ thể:
 - Theo hợp đồng số 02/HĐCP/CP-FJ ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn (3.899.000 cổ phần) cho Công ty Liên doanh Fuji - Alpha với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - Theo các hợp đồng số 01/2012, 02/2012, 03/2012 ngày 19 tháng 1 năm 2012 và số 04/HĐCP/CP-DO ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam và các cá nhân với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty là Công ty mẹ của các công ty con và các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số V.10 và V.11. Công ty đang trong quá trình hoàn thành các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng cần đọc Báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	5 – 7 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 7 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 5 năm
- TSCĐ hữu hình khác	5 – 6 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán mà không thể thu thập được giá trị thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính và các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chờ phân bổ.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	783.768.785	778.713.321
- Tiền gửi ngân hàng	1.073.546.328	8.618.528.740
- Tiền đang chuyển	-	90.857.652
- Tương đương tiền	-	21.000.000.000
Cộng	1.857.315.113	30.488.099.713

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư ngắn hạn		12.495.408.134		4.867.094.286
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		-		1.757.094.286
Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát	-	-	1.500	57.094.286
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn	-	-	40.000	1.700.000.000
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác		12.495.408.134		3.110.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam (a)		2.000.000.000		3.110.000.000
Công ty TNHH MTV Hanel (b)		10.495.408.134		-
b. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(1.182.844.286)
Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát		-		(30.844.286)
Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn		-		(1.152.000.000)
Cộng		12.495.408.134		3.684.250.000

(a) Là khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam vay không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng ngày 27 tháng 12 năm 2012 với lãi suất 15% và thời hạn cho vay là 30 ngày.

(b) Là khoản cho Công ty TNHH MTV Hanel vay không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng số 04-05/HĐV-HANEL/KT ngày 04 tháng 5 năm 2012 với lãi suất là 19% và đã thu hồi khoản vay vào ngày 16 tháng 01 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu khác	20.454.737.872	112.155.368.515
+ Công ty Cổ phần Phú Thái Holdings	-	83.459.640.694
+ Công ty Cổ phần Động Lực (*)	10.460.000.000	10.460.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	14.080.516	10.296.095.278
+ Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	113.084.470	2.423.210.726
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	-	3.161.397.414
+ Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	814.076.172	866.726.472
+ Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	132.148.483	235.018.628
+ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	209.458.333	-
+ Công ty TNHH MTV Hanel	337.893.832	-
+ Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	8.160.216.265	-
+ Khác	213.779.801	1.253.279.303
Cộng	20.454.737.872	112.155.368.515

(*) Phải thu về tiền cho vay 10.460.000.000 VND (tương đương 500.000 USD). Theo hợp đồng cho vay thì sau ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần Động Lực trả bằng 500 m² thương phẩm sản căn hộ tại số 130 phố Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Nếu sau 24 tháng kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2011 mà Công ty Cổ phần Động Lực vẫn chưa giao 500 m² thương phẩm sản căn hộ nói trên thì phải chịu lãi vay.

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	20.652.742.780	20.526.590.978
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.844.884.262	151.025.352
- Thành phẩm	18.736.128.165	16.615.626.507
- Hàng hoá	4.480.990.222	7.753.992.599
- Hàng gửi đi bán	40.428.237	40.428.237
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	49.755.173.666	45.087.663.673

05. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	-	195.055.018
- Thuế xuất, nhập khẩu nộp thừa	-	105.968.519
Cộng	-	301.023.537

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.494.192.232	4.357.188.392	5.060.256.672	319.859.727	13.231.497.023
- Mua trong năm	-	1.000.000	12.545.425	-	13.545.425
- Tăng do sát nhập	-	-	47.636.363	-	47.636.363
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	989.452.644	-	-	989.452.644
- Thanh lý, nhượng bán	(665.598.500)	(2.129.279.066)	-	-	(2.794.877.566)
- Phân loại lại	(104.604.893)	69.506.495	(20.608.102)	55.706.500	-
Số dư cuối năm	2.723.988.839	3.287.868.465	5.099.830.358	375.566.227	11.487.253.889
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.751.715.830	1.608.488.794	1.684.249.799	123.204.798	6.167.659.221
- Khấu hao trong năm	14.989.529	476.304.934	881.432.544	68.254.548	1.440.981.555
- Tăng do sát nhập	-	-	30.035.365	-	30.035.365
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	387.535.617	-	-	387.535.617
- Thanh lý, nhượng bán	-	(987.829.041)	-	-	(987.829.041)
- Phân loại lại	(50.079.770)	76.917.418	(8.756.654)	(18.080.994)	-
Số dư cuối năm	2.716.625.589	1.561.417.722	2.586.961.054	173.378.352	7.038.382.717
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	742.476.402	2.748.699.598	3.376.006.873	196.654.929	7.063.837.802
2. Tại ngày cuối năm	7.363.250	1.726.450.743	2.512.869.304	202.187.875	4.448.871.172

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 3.505.036.278 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính		
<i>Số dư đầu năm</i>	4.280.734.238	4.280.734.238
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	(989.452.644)	(989.452.644)
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	3.291.281.594	3.291.281.594
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	740.240.504	740.240.504
- Khấu hao trong năm	724.219.852	724.219.852
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	(387.535.617)	(387.535.617)
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	1.076.924.739	1.076.924.739
III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính		
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	3.540.493.734	3.540.493.734
2. <i>Tại ngày cuối năm</i>	2.214.356.855	2.214.356.855

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	44.270.176	44.270.176
- Mua trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	44.270.176	44.270.176
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	36.854.288	36.854.288
- Khấu hao trong năm	7.415.888	7.415.888
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	44.270.176	44.270.176
III. Giá trị còn lại		
1. <i>Tại ngày đầu năm</i>	7.415.888	7.415.888
2. <i>Tại ngày cuối năm</i>	-	-

09. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị	161.011.600	161.011.600
Cộng	161.011.600	161.011.600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Đầu tư vào Công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Alphanam Cơ Điện (a)	7.200.100	64.228.816.420	6.120.000	61.200.000.000
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	12.300.000	123.000.000.000	12.300.000	123.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam (b)	-	-	6.727.280	67.440.800.000
- Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn (c)	-	-	3.899.000	38.990.000.000
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco (d)	17.243.198	210.494.776.008	-	-
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam (e)	59.803.738	1.620.308.402.000	-	-
- Công ty CP Đô Thị Hanel - Alphanam (f)	28.500	285.000.000	-	-
Cộng		2.018.316.994.428		290.630.800.000

Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu của công ty con

- (a) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện tăng do trong năm mua 1.080.100 cổ phiếu với giá bình quân 2.804,2 đồng/cổ phiếu.
- (b) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam và các cá nhân khác với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- (c) Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn cho Công ty Liên doanh Fuji - Alpha với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
- (d) Khoản đầu tư vào Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco tăng do:
- Mua trong năm 4.665.000 cổ phiếu với giá trị là 56.950.320.000 đồng.
 - Chuyển từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sang 10.925.198 cổ phần tương ứng với 133.366.285.008 đồng.
 - Sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam 1.653.000 cổ phần tương ứng với 20.178.171.000 đồng.
- (e) Khoản đầu tư vào Công ty CP Địa Ốc Alphanam tăng do:
- Mua trong năm 5.030.883 cổ phiếu với giá trị là 145.895.607.000 đồng.
 - Chuyển từ khoản đầu tư vào công ty liên kết sang 15.691.616 cổ phần tương ứng với 341.056.861.880 đồng.
 - Sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam 39.081.239 cổ phần tương ứng với 1.133.355.933.120 đồng.
- (f) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đô thị Hanel - Alphanam góp vốn trong năm 500.285.000.000 đồng và giảm do rút vốn 500.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam (a)	-	-	15.691.616	341.056.861.880
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		110.250.000.000		110.250.000.000
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco (b)	-	-	10.925.198	133.366.285.008
- Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng (c)	1.200.000	12.000.000.000	-	-
Cộng		122.250.000.000		584.673.146.888

Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu của công ty liên doanh, liên kết:

- (a) Cổ phiếu Công ty CP Địa Ốc Alphanam giảm trong năm do chuyển sang khoản đầu tư vào công ty con.
 (b) Giảm do chuyển toàn bộ sang khoản đầu tư vào công ty con.
 (c) Tăng do chuyển từ khoản đầu tư dài hạn khác sang.

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		48.204.049.072		10.317.300.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam (a)	-	-	167.930	1.679.300.000
- Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng (b)	-	-	863.800	8.638.000.000
- Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên (c)	1.387.550	48.203.804.536	-	-
- Công ty CP Xây dựng 565 (d)	26	244.536	-	-
Cộng		48.204.049.072		10.317.300.000

Lý do thay đổi với từng khoản đầu tư/ loại cổ phiếu, trái phiếu

- (a) Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam:
 - Mua trong năm 1.962.363 cổ phiếu với giá trị 19.623.630.000 đồng.
 - Giảm trong năm do chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
 (b) Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng:
 - Mua trong năm 336.200 cổ phiếu với giá trị 3.362.000.000 đồng.
 - Giảm do chuyển sang khoản đầu tư vào công ty liên kết.
 (c) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Minh Nguyên
 - Tăng do:
 + Mua trong năm 1.525.958 cổ phiếu với giá trị 52.993.469.424 đồng.
 + Sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam 60.000 cổ phần tương ứng với 2.058.952.000 đồng.
 + Mua 579.113 cổ phiếu với giá trị là 20.153.132.400 đồng.
 - Giảm do chuyển nhượng 777.521 cổ phiếu với giá trị 27.001.749.288 đồng.
 (d) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng 565 tăng do sáp nhập khoản đầu tư từ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(63.592.325.083)	(7.104.818.135)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	(77.307.371)	(43.604.390.029)
Cộng	(63.669.632.454)	(50.709.208.164)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	538.230.791	513.856.358
- Chi phí sửa chữa	176.716.879	-
- Chi phí quảng cáo	33.818.824	-
Cộng	748.766.494	513.856.358

15. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	159.000.000	225.000.000
Cộng	159.000.000	225.000.000

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	91.635.102.708	114.946.500.079
- Vay ngân hàng	86.630.332.708	79.890.200.079
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	36.601.827.708	32.615.223.283
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	37.265.000	-
+ Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	15.654.390.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam	49.991.240.000	31.620.586.796
- CN Hai Bà Trưng	5.004.770.000	35.056.300.000
- Vay đối tượng khác	5.004.770.000	35.056.300.000
+ Công ty CP chứng khoán Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	2.178.000.000	11.000.000.000
+ Công ty CP Alphanam Miền Trung	-	12.426.400.000
+ Công ty CP Viễn thông Thăng Long	2.306.000.000	-
+ Công ty CP Alphanam - Cienco 4	40.000.000	40.000.000
+ Công ty CP Alphanam Cơ Điện	220.000.000	-
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	11.589.900.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.031.538.642	4.113.880.788
- Vay dài hạn đến hạn trả	352.767.967	3.259.420.788
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	352.767.967	3.259.420.788
- Nợ thuê tài chính	678.770.675	854.460.000
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	678.770.675	854.460.000
Cộng	92.666.641.350	119.060.380.867

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	-	6.352.426.996
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	117.038.126	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	106.397.847	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	879.000.716	1.893.605.324
- Thuế thu nhập cá nhân	19.656.188	28.993.013
Cộng	1.122.092.877	8.275.025.333

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay	-	750.305.830
- Chi phí thưởng cho các đại lý	-	498.286.586
- Khác	853.829	788.370.274
Cộng	853.829	2.036.962.690

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ giải quyết	26.721.938	26.721.938
- Kinh phí công đoàn	267.455.991	273.547.390
- Bảo hiểm xã hội	-	69.058.800
- Bảo hiểm y tế	-	26.769.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	13.179.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.038.125.673	35.556.913.029
+ Công ty CP Alphanam Cơ Điện	49.522.917	4.000.000.000
+ Công ty CP Foodinco Miền Trung (trước đây là Công ty CP Alphanam Miền Trung)	1.811.129.027	1.402.155.708
+ Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn	1.612.078.447	28.199.881.111
+ CN Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	49.210.870	482.900.355
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	1.399.577.040	9.577.040
+ Các đối tượng khác	1.116.607.372	1.462.398.815
Cộng	6.332.303.602	35.966.189.157

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

20. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.499.616.000</i>	<i>1.844.278.467</i>
- Vay dài hạn ngân hàng	1.499.616.000	1.844.278.467
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	1.499.616.000	1.844.278.467
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>1.234.959.157</i>	<i>2.338.105.311</i>
- Nợ thuê tài chính	1.234.959.157	2.338.105.311
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.234.959.157	2.338.105.311
Cộng	<u>2.734.575.157</u>	<u>4.182.383.778</u>

21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	31.403.864.113	31.403.864.113
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.758.001.432)	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>29.645.862.681</u>	<u>31.403.864.113</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	438.203.940.000	181.796.010.000	4.284.528.914	1.615.000.000	61.090.451.305	686.989.930.219
- Tăng vốn trong năm trước	207.640.190.000	-	-	-	-	207.640.190.000
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	78.909.984.915	78.909.984.915
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	3.448.247.352	-	-	3.448.247.352
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	-	(4.284.528.914)	-	-	(4.284.528.914)
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.106.683.671	(4.213.367.342)	(2.106.683.671)
- Chuyển sang vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	(107.640.190.000)	-	-	-	(107.640.190.000)
Số dư cuối năm trước	645.844.130.000	74.155.820.000	3.448.247.352	3.721.683.671	135.787.068.878	862.956.949.901
Số dư đầu năm nay						
- Tăng vốn trong năm nay	1.279.000.000.000	-	-	-	-	1.279.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	841.687.918	841.687.918
- Tăng khác (*)	-	-	-	-	1.340.065.098	1.340.065.098
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(3.448.247.352)	-	-	(3.448.247.352)
Số dư cuối năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	-	3.721.683.671	137.968.821.894	2.140.690.455.565

(*) Là khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam sáp nhập vào Công ty Cổ phần Alphanam (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	645.844.130.000
Cộng	1.924.844.130.000	645.844.130.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	645.844.130.000	438.203.940.000
+ Vốn góp tăng trong năm	1.279.000.000.000	207.640.190.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.924.844.130.000	645.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	64.584.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	64.584.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	224.045.728.255	251.743.866.365
- Doanh thu bán thành phẩm	17.754.025.587	118.059.385.428
Cộng	241.799.753.842	369.803.251.793

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại	3.533.025.019	26.189.265.034
- Hàng bán bị trả lại	7.295.108.301	16.399.618.718
Cộng	10.828.133.320	42.588.883.752

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	224.045.728.255	251.743.866.365
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	6.925.892.267	75.470.501.676
Cộng	230.971.620.522	327.214.368.041

04. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	222.489.374.661	250.153.081.416
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.806.772.225	54.597.258.142
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.897.759.638)	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	7.897.759.638
Cộng	221.398.387.248	312.648.099.196

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.781.007.538	7.071.468.234
- Lãi từ chuyển nhượng đầu tư dài hạn	11.062.675	769.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.528.900.000	17.812.121.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.808.118	5.022.281.405
- Lãi bán hàng trả chậm	-	221.972.048
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.197.744
Cộng	14.363.778.331	30.904.040.431

06. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	17.252.153.379	22.757.007.441
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	34.435.637	3.448.618.927
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	67.715.570.226
- Lỗ do bán chứng khoán	931.800.286	798.505.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	101.933.525	1.243.616.337
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	95.616.000
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	11.778.857.752	44.586.670.850
Cộng	30.099.180.579	140.645.604.781

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	1.428.765.538	602.301.553
- Thu nhập từ chênh lệch do góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	-	146.455.408.057
- Thu nhập từ chênh lệch do góp vốn bằng tài sản cố định vào Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	-	70.291.624.655
- Thu nhập từ bán hệ thống bảng biển và lợi thế thương mại cho Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	-	43.575.435.000
- Thu nhập từ bán vỏ thùng phế liệu	-	122.084.298
- Thu phạt vi phạm hợp đồng của Công ty TNHH Phú Thái Holdings	17.540.359.306	-
- Thu nhập khác	336.021.670	70.533.880
Cộng	19.305.146.514	261.117.387.443

08. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.807.048.525	160.277.249
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	-	880.929.408
- Chi phí khác	782.133.847	830.831.095
Cộng	2.589.182.372	1.872.037.752

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.835.813.465	2.683.360.472
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.835.813.465	2.683.360.472

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	31.403.864.113
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.758.001.432)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(1.758.001.432)	31.403.864.113

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.408.394.932	44.354.421.761
- Chi phí nhân công	3.514.505.587	12.465.664.988
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.172.617.295	7.584.492.511
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.942.405.667	19.981.897.050
- Chi phí khác bằng tiền	745.071.816	9.798.907.283
Cộng	21.782.995.297	94.185.383.593

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2012
- Đầu tư cho vay (*)	10.495.408.134
- Đầu tư tài chính dài hạn (*)	1.267.228.601.780
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	1.279.000.000.000
- Đầu tư góp vốn bằng bù trừ công nợ	233.916.267.424
- Chuyển nhượng khoản góp vốn vào công ty con, công ty liên kết bằng bù trừ công nợ	262.966.980.412

(*) Các khoản phát sinh tăng do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
- Bán 100.000 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	-	2.100.000.000
- Vay tiền (không tính lãi)	3.100.000.000	29.500.000.000
- Trả tiền vay	14.429.130.000	29.766.100.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban điều hành	260.777.000	11.589.900.000
Cộng nợ phải trả	260.777.000	11.589.900.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.316.500.000	1.562.596.853
Phụ Cấp	-	815.155.000
Cộng	1.316.500.000	2.377.751.853

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Mới A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Alphanam Cơ Điện	Công ty con
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	Công ty con
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty con
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam	Công ty con
- Công ty CP Đô thị Hanel - Alphanam	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco	Công ty con của Tổng Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco
Công ty CP Foodinco Miền Trung	Công ty con của Tổng Công ty CP Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco
- Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn	Công ty con (từ tháng 6 năm 2012 đầu tư gián tiếp)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	Công ty con (từ tháng 6 năm 2012 đầu tư gián tiếp)
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Công ty liên kết
- Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên	Công ty con của Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam
- Công ty CP Đầu tư Alphanam	Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT (Đến ngày 26/6/2012 đã sáp nhập vào Công ty CP Alphanam)
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện		
- Bán hàng	1.292.813.767	7.362.951.183
- Cung cấp dịch vụ	2.238.000	238.226.000
- Mua hàng	4.107.147	3.983.000
- Sử dụng dịch vụ	695.538.000	684.000.000
- Chi tiền cho vay	7.000.000.000	6.500.000.000
- Thu tiền cho vay	7.000.000.000	-
- Lãi tiền cho vay	190.416.667	-
- Thu tiền vay	2.220.000.000	-
- Trả tiền vay	2.000.000.000	-
- Trả lãi tiền vay	45.020.833	-
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.293.320.793	40.418.192.077
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	4.777.272.727	500.222.395
- Nhận cổ tức	7.200.000.000	7.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	<i>Đơn vị tính: VND</i> Năm trước
- Góp vốn bằng tài sản cố định	-	75.000.000.000
- Chuyển từ cổ tức sang cho vay	7.200.000.000	-
- Thu tiền cho vay	7.200.000.000	-
- Lãi tiền cho vay	1.009.241.878	-
- Chuyển nhượng 3.899.000 cổ phiếu của Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn với giá 10.000 đồng/cổ phiếu	38.990.000.000	-
Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	50.564.751.429	39.759.800.000
- Mua hàng	-	38.815.000.000
- Chuyển nhượng 3.881.500 cổ phiếu của Công ty CP Alphanam Miền Trung với giá 10.000 đồng/cổ phiếu	-	39.000.000.000
- Mua 3.900.000 cổ phiếu Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.	-	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam		
- Bán hàng	-	324.400
- Mua hàng	-	8.058.122
- Chi tiền cho vay	730.000.000	17.175.311.000
- Thu tiền cho vay	730.000.000	-
- Lãi cho vay	484.955.644	2.507.131.261
- Vay tiền	-	499.100.000
- Chi phí lãi vay phải trả	-	20.080.684
- Mua 405.879 cổ phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào với giá mua 73.243 đồng/cổ phiếu	-	29.727.795.597
- Chuyển nhượng 405.879 cổ phiếu Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào với giá bán 73.243 đồng/cổ phiếu	-	29.727.795.597
- Thu tiền bán 4.293.100 cổ phiếu Momota với giá 10.000 đồng/cổ phiếu	-	42.931.000.000
- Chuyển nhượng 6.386.900 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	64.037.000.000	-
- Chuyển nhượng 2.915.150 cổ phiếu của Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn với giá 16.470 đồng/cổ phiếu	48.012.520.500	-
- Chuyển nhượng 2.130.293 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư và XD hạ tầng Alphanam với giá 10.000 đồng/cổ phiếu	21.302.930.000	-
- Mua 1.525.958 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên với giá 34.728 đồng/cổ phiếu	52.993.469.424	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
- Mua 579.113 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên với giá 34.800 đồng/cổ phiếu	20.153.132.400	-
Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco		
- Mua hàng	28.537.142.857	-
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung)		
- Bán hàng	2.739.862.799	6.312.585.791
- Mua hàng	12.311.561.416	572.938.950
- Thuê kho	271.067.254	816.000.000
- Trả tiền vay	12.426.400.000	-
- Hàng bán bị trả lại	-	2.230.968.065
- Tiền lãi vay phải trả	-	317.176.233
- Chiết khấu bán hàng phải trả	-	492.772.041
- Phải trả tiền đặt cọc	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn		
- Bán hàng	16.763.640	7.513.930.965
- Chiết khấu bán hàng	5.029.092	-
- Hàng bán bị trả lại	3.049.308.927	8.069.165.855
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	894.646.598	4.912.777.450
Chuyển nhượng 777.521 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên	27.001.749.288	-
- Thu tiền đặt cọc	-	120.000.000
- Phải thu tiền đặt cọc	-	100.000.000
- Phải thu tiền vé du lịch	-	82.304.172
- Mua 940.800 cổ phiếu Công ty Cổ phần Động Lực với giá mua 28.700 đồng/cổ phiếu	-	27.000.960.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam		
- Bán hàng	488.892.090	25.152.248
- Mua hàng	2.893.358.877	12.029.096.889
- Phải thu cổ tức	-	10.090.920.000
- Chi tiền cho vay	24.200.000.000	4.110.000.000
- Thu tiền cho vay	25.310.000.000	1.000.000.000
- Lãi tiền cho vay	876.436.833	212.626.667
Chuyển nhượng 1.973.812 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư XD Hà Tây với giá 32.234 VND/CP	63.622.780.624	-
Mua 3.112.419 cổ phiếu của Công ty CP Địa Ốc Alphanam với giá 29.000 đồng/cổ phiếu	90.260.151.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Đơn vị tính: VND</u> <u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam</i>		
- Bán hàng	8.219.488.451	28.293.661.329
- Chiết khấu bán hàng	903.904.544	-
- Bán hệ thống băng biển		47.932.978.500
- Mua hàng	3.624.288.089	4.936.725.145
- Chi phí thuê kho phải trả	-	87.299.727
- Góp vốn bằng tài sản	-	171.424.565.000
- Cho thuê tài sản	24.379.137	-
<i>Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên</i>		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	179.861.636	277.598.800
- Chi tiền cho vay	-	2.183.000.000
- Lãi vay phải thu	-	664.494.619
- Sử dụng dịch vụ	981.729.572	16.778.344.753
- Mua 336.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng với giá 10.000 đồng/cổ phiếu	3.362.000.000	-
- Chuyển nhượng 4.665.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco với giá bán 12.208 đồng/cổ phiếu	-	56.950.320.000
- Mua 1.846.410 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam với giá 29.000 đồng/cổ phiếu.	-	53.545.890.000
- Mua 863.800 cổ phiếu Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng với giá 10.000 đồng/cổ phiếu	-	8.638.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư Alphanam (đến ngày 26/6/2012 đã sáp nhập vào Công ty)</i>		
- Chuyển nhượng 13.473.698 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco với giá bán 12.846 đồng/cổ phiếu	-	173.083.124.508
- Mua 3.884.447 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam với giá 29.000 đồng/cổ phiếu	-	112.648.925.000
- Mua 1.993.100 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Alphanam với giá 10.000 đồng/cổ phiếu	-	19.931.000.000
<i>Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long</i>		
- Nhận tiền vay	2.306.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	11.182.571.674	3.777.019.385
- Phải thu khách hàng	1.454.761.755	501.022.865
- Trả trước cho người bán	9.518.351.586	3.275.996.520
- Phải thu khác	209.458.333	-
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	13.974.788.505	5.183.668.445
- Phải thu khách hàng	5.814.572.240	5.183.668.445
- Phải thu khác	8.160.216.265	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	113.084.470	2.473.212.504
- Phải thu khách hàng	-	50.001.778
- Phải thu khác	113.084.470	2.423.210.726
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	10.955.227.374	7.728.984.340
- Phải thu khách hàng	10.884.302.924	7.686.676.940
- Phải thu khác	70.924.450	42.307.400
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung (Trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung)	979.201.856	-
- Phải thu khách hàng	979.201.856	-
- Trả trước cho người bán	-	-
Công ty CP Alpha Nam Sài Gòn	1.943.179.128	5.756.820.032
- Phải thu khách hàng	1.129.102.956	4.890.093.560
- Phải thu khác	814.076.172	866.726.472
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam	2.063.021.516	14.096.611.056
- Phải thu khách hàng	48.941.000	690.515.778
- Đầu tư ngắn hạn khác (cho vay)	2.000.000.000	3.110.000.000
- Phải thu khác	14.080.516	10.296.095.278
Cộng nợ phải thu	41.211.074.523	39.016.315.762
Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện	9.787.874.503	4.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.522.917	4.000.000.000
- Phải trả người bán	9.518.351.586	-
- Vay và nợ ngắn hạn	220.000.000	-
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	2.662.977.697	2.794.245.182
- Phải trả người bán	2.613.766.827	2.311.344.827
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	49.210.870	482.900.355

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam</i>	10.302.932.854	5.048.826.008
- Phải trả người bán	8.903.355.814	5.039.248.968
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.399.577.040	9.577.040
<i>Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên</i>	67.794.859	55.820.613
- Phải trả người bán	67.794.859	55.820.613
<i>Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung (Trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung)</i>	16.586.388.554	16.115.092.512
- Phải trả người bán	12.740.612.304	2.286.536.804
- Người mua trả tiền trước	2.034.647.223	-
- Vay và nợ ngắn hạn	-	12.426.400.000
- Phải trả khác	1.811.129.027	1.402.155.708
<i>Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn</i>	3.581.142.524	31.764.265.260
- Phải trả người bán	1.969.064.077	3.564.384.149
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.612.078.447	28.199.881.111
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Vinaconex - Alphanam</i>	850.012.668	-
- Phải trả người bán	850.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12.668	-
<i>Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long</i>	2.306.000.000	-
- Vay và nợ ngắn hạn	2.306.000.000	-
Cộng nợ phải trả	46.145.123.659	59.778.249.575

02. Điều chỉnh hồi tố

Thuyết minh báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Số liệu theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 trước điều chỉnh		Số điều chỉnh		Số liệu theo Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011 sau điều chỉnh	
	Số cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu	Giá trị	Số cổ phiếu	Giá trị
V.11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh						
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	15.938.855	341.056.861.880	(247.239)	-	15.691.616	341.056.861

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: bán thành phẩm sơn (số lượng đã sản xuất từ những năm trước chưa bán hết);
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Sản xuất	Thương mại	Dầu tư tài chính	Đơn vị tính: VND Cộng
Năm nay					
-	Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	6.925.892.267	224.045.728.255	9.539.962.675	240.511.583.197
-	Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
-	Chi phí phân bổ	7.463.450.991	235.834.520.148	13.010.076.249	256.308.047.388
-	Lợi nhuận từ hoạt động KD	(537.558.724)	(11.788.791.893)	(3.470.113.574)	(15.796.464.191)
-	Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	31.085.307	1.005.578.759	-	1.036.664.066
-	Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	85.261.426	2.758.122.348	117.442.026	2.960.825.800
Số dư cuối năm					
-	Tài sản trực tiếp của bộ phận	50.127.729.993	162.836.636.581	2.145.757.035.445	2.358.721.402.019
-	Tài sản không phân bổ				1.857.315.113
Tổng tài sản		50.127.729.993	162.836.636.581	2.145.757.035.445	2.360.578.717.132
-	Nợ phải trả bộ phận	4.644.068.398	150.230.994.969	64.297.679.740	219.172.743.107
-	Nợ phải trả không phân bổ				715.518.460
Tổng nợ phải trả		4.644.068.398	150.230.994.969	64.297.679.740	219.888.261.567

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Sản xuất	Thương mại	Đầu tư tài chính	Đơn vị tính: VND	
					Cộng
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	75.470.501.676	251.743.866.365	18.581.121.000	345.795.489.041	
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	
- Chi phí phân bổ	87.138.010.947	291.805.029.629	113.100.588.656	492.043.629.232	
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(11.667.509.271)	(40.061.163.264)	(94.519.467.656)	(146.248.140.191)	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	524.580.815	3.309.222.972	-	3.833.803.787	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.012.848.865	6.644.882.141	-	14.657.731.006	
Số dư cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	71.167.300.005	157.178.830.435	838.596.288.724	1.066.942.419.164	
- Tài sản không phân bổ				30.488.099.713	
Tổng tài sản	71.167.300.005	157.178.830.435	838.596.288.724	1.097.430.518.877	
- Nợ phải trả bộ phận	71.355.630.785	162.258.378.731	-	233.614.009.516	
- Nợ phải trả không phân bổ				859.559.460	
Tổng nợ phải trả	71.355.630.785	162.258.378.731	-	234.473.568.976	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.857.315.113	30.488.099.713	1.857.315.113	30.488.099.713
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	154.320.130.669	178.645.190.387	146.994.313.563	169.393.714.913
Đầu tư ngắn hạn (*)	12.495.408.134	4.867.094.286	12.495.408.134	3.684.250.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	244.536	10.317.300.000	244.536	10.317.300.000
Cộng	168.673.098.452	224.317.684.386	161.347.281.346	213.883.364.626
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ (*)	95.401.216.507	123.242.764.645	95.401.216.507	123.242.764.645
Phải trả cho người bán và phải trả khác (*)	89.883.212.520	61.708.550.512	89.883.212.520	61.708.550.512
Chi phí phải trả	853.829	2.036.962.690	853.829	2.036.962.690
Cộng	185.285.282.856	186.988.277.847	185.285.282.856	186.988.277.847

(*) Giá trị hợp lý của khoản này được trình bày theo giá trị sổ sách do không đủ thông tin xác định giá trị hợp lý.

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	83.550.908.918	-	-	83.550.908.918
Vay và nợ	92.666.641.350	2.734.575.157	-	95.401.216.507
Chi phí phải trả	853.829	-	-	853.829
Các khoản phải trả khác	6.332.303.602	643.488.003	-	6.975.791.605
Cộng	182.550.707.699	3.378.063.160	-	185.928.770.859
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	23.232.801.855	-	-	23.232.801.855
Vay và nợ	119.060.380.867	4.182.383.778	-	123.242.764.645
Chi phí phải trả	2.036.962.690	-	-	2.036.962.690
Các khoản phải trả khác	35.966.189.157	2.509.559.500	-	38.475.748.657
Cộng	180.296.334.569	6.691.943.278	-	186.988.277.847

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin về sáp nhập

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam vào Công ty Cổ phần Alphanam tại ngày 26 tháng 06 năm 2012 (Công ty sau sáp nhập đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam). Công ty đang thực hiện hợp nhất kinh doanh theo số liệu trên sổ kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (đơn vị bị sáp nhập) do phần lớn tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam là các khoản đầu tư tài chính (đầu tư góp vốn vào các công ty) nên không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý làm cơ sở hạch toán kế toán theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Kế toán trưởng



Bùi Kim Yến

Hưng Yên, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn